




Dell Latitude 14 Rugged – 5414

Hướng dẫn bắt đầu

Dòng máy điều chỉnh: P46G
Dòng máy điều chỉnh: P46G002



Ghi chú, thận trọng và cảnh báo

-  **GHI CHÚ:** GHI CHÚ cho biết thông tin quan trọng giúp cho việc sử dụng máy tính tốt hơn.
-  **THẬN TRỌNG:** THẬN TRỌNG chỉ báo khả năng xảy ra hư hỏng phần cứng hoặc mất dữ liệu và cho bạn biết cách tránh được sự cố.
-  **CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết có thể có thiệt hại về tài sản, gây thương tích hoặc tử vong ở người.

© 2016 Dell Inc. Mọi quyền đã được bảo lưu. Sản phẩm này được bảo vệ bởi các luật về bản quyền và sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ và quốc tế. Dell và logo Dell là các thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các vùng tài phán khác. Tất cả các nhãn hiệu và tên gọi khác được đề cập trong đây có thể là thương hiệu của các công ty tương ứng.

2016 - 06

Phiên bản A01

Nội dung

1	Tìm thông tin và tài nguyên.....	5
2	Tổng quan hệ thống.....	6
3	Thiết lập nhanh.....	8
4	Tháo và lắp các thành phần.....	10
	Mở các cửa khoang ổ đĩa cứng.....	10
	Đóng các cửa khoang ổ đĩa cứng.....	10
	Tháo pin.....	10
	Lắp đặt pin.....	11
	Tháo ổ đĩa cứng.....	11
	Lắp đặt ổ đĩa cứng.....	11
5	Thao tác trên máy tính.....	12
	Sử dụng bàn phím có đèn nền.....	12
	Bật/tắt đèn nền bàn phím hoặc điều chỉnh độ sáng.....	12
	Thay đổi màu đèn nền bàn phím.....	12
	Tùy chỉnh bàn phím có đèn nền trong System Setup (Thiết lập Hệ thống) (BIOS).....	13
	Tính năng khóa phím của Phím Chức năng.....	13
	Bật khóa Chức năng (Fn)	14
	Chế độ Bí mật.....	14
	Bật/tắt chế độ bí mật.....	14
	Tắt chế độ bí mật trong thiết lập hệ thống (BIOS).....	14
	Tắt và bật tính năng không dây (WiFi).....	15
6	Thẻ thông minh.....	16
7	Thông số kỹ thuật.....	17
	Thông số kỹ thuật thông tin hệ thống.....	17
	Thông số kỹ thuật bộ xử lý.....	17
	Thông số kỹ thuật bộ nhớ.....	17
	Thông số kỹ thuật pin.....	18
	Thông số kỹ thuật âm thanh.....	18
	Thông số kỹ thuật video.....	19
	Thông số kỹ thuật giao tiếp.....	19
	Thông số kỹ thuật cổng và đầu nối.....	19
	Thông số kỹ thuật màn hình.....	20

Thông số kỹ thuật bàn di chuột.....	20
Thông số kỹ thuật bàn phím.....	21
Thông số kỹ thuật bộ chuyển đổi nguồn.....	21
Thông số kỹ thuật kích thước vật lý.....	21
Thông số kỹ thuật môi trường.....	22

8 Liên hệ Dell..... 23

Tìm thông tin và tài nguyên

Xem các tài liệu an toàn và quy định đi kèm với máy tính của bạn và trang web tuân thủ quy định tại **Dell.com/regulatory_compliance** để biết thêm thông tin về:

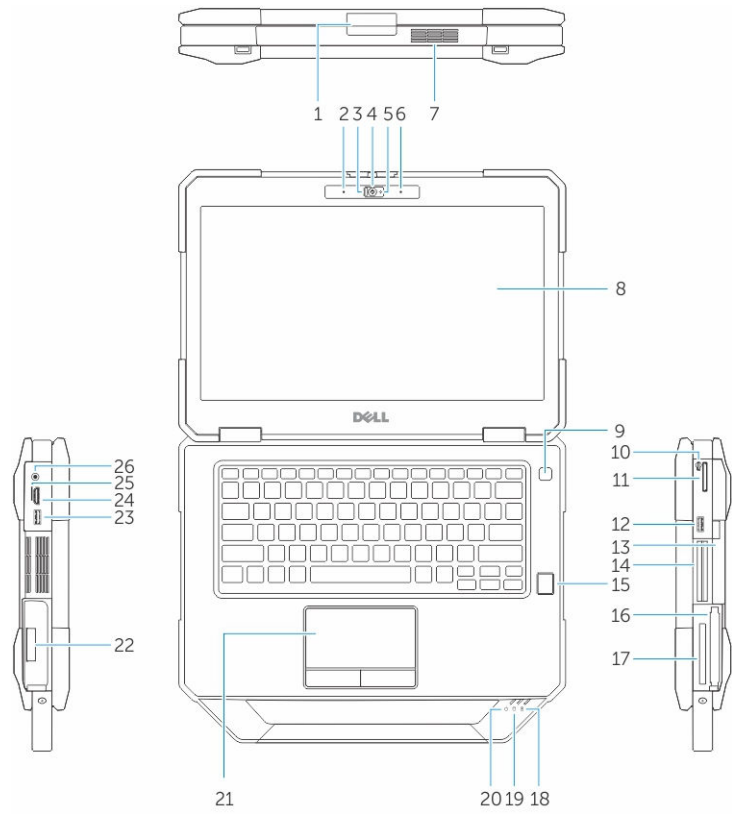
- Quy định thực hành an toàn tốt nhất
- Chứng nhận quy định
- Công thái học

Xem **Dell.com** để biết thêm thông tin về:

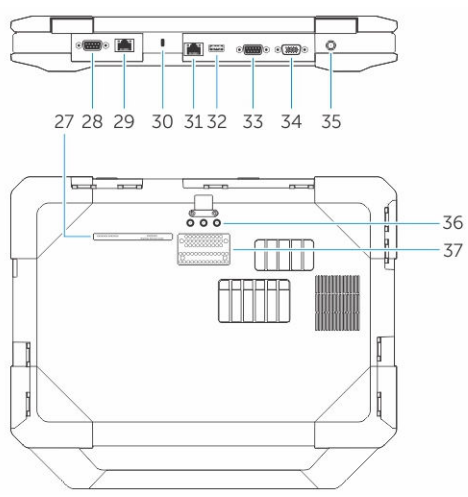
- Bảo hành
- Điều khoản và Điều kiện (chỉ ở Hoa Kỳ)
- Thỏa Thuận Cấp Phép Người Dùng Cuối

Thông tin thêm về sản phẩm của bạn hiện có sẵn tại **Dell.com/support/manuals**.


Tổng quan hệ thống




Hình 1. Tổng quan hệ thống



- | | |
|---|---|
| 1. chốt màn hình | 2. micrô |
| 3. màn chắn đảm bảo riêng tư (tùy chọn) | 4. camera (tùy chọn) |
| 5. đèn trạng thái camera (tùy chọn) | 6. micrô |
| 7. khoang tản nhiệt QuadCool | 8. hiển thị/màn hình cảm ứng đọc được ngoài trời (tùy chọn) |
| 9. nút nguồn | 10. bút cảm ứng |
| 11. đầu đọc thẻ SD | 12. Cổng USB 3.0 |
| 13. ổ đĩa quang (tùy chọn)/pin bắc cầu hoán đổi nóng (tùy chọn) | 14. đầu đọc thẻ thông minh (tùy chọn) |
| 15. đầu đọc dấu vân tay (tùy chọn) | 16. ổ đĩa cứng |
| 17. đầu đọc thẻ PCMCIA/ExpressCard (tùy chọn) | 18. đèn trạng thái pin |
| 19. đèn trạng thái ổ đĩa cứng | 20. đèn trạng thái nguồn |
| 21. bàn di chuột | 22. pin |
| 23. cổng USB 3.0 với tính năng PowerShare | 24. Cổng HDMI |
| 25. khe cắm thẻ SIM | 26. cổng âm thanh |
| 27. nhãn thẻ dịch vụ | 28. cổng nối tiếp thứ cấp (tùy chọn)/ cổng bộ chuyển đổi nguồn Fischer (tùy chọn) |
| 29. cổng mạng thứ cấp (tùy chọn) | 30. khe cắm cáp bảo vệ |
| 31. cổng mạng | 32. Cổng USB 2.0 |
| 33. cổng serial | 34. cổng VGA |
| 35. cổng bộ chuyển đổi nguồn | 36. các đầu nối truyền qua tần số radio |
| 37. đầu nối thiết bị gắn để | |

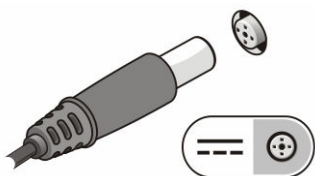
 **THẬN TRỌNG: NGUY HIỂM NỔ**—Các kết nối bên ngoài (cổng bộ chuyển đổi nguồn, cổng HDMI, cổng USB, cổng RJ45, cổng serial, cổng âm thanh, khe đọc Smart Card, khe cắm đầu đọc thẻ SD, khe cắm đầu đọc Express Card, khe cắm đầu đọc thẻ PC, khe cắm thẻ SIM) không nên sử dụng ở địa điểm nguy hiểm.

 **CẢNH BÁO:** Không chặn, đẩy vật vào, hoặc để bụi tích tụ trong lỗ thông khí. Không bảo quản máy tính Dell của bạn trong môi trường có luồng không khí thấp ví dụ như trong cặp đóng kín khi máy tính đang chạy. Hạn chế luồng không khí có thể làm hỏng máy tính hoặc gây cháy. Máy tính bật quạt khi máy tính bị nóng. Tiếng ồn là của quạt là bình thường và không có vấn đề gì với quạt hay máy tính.

Thiết lập nhanh

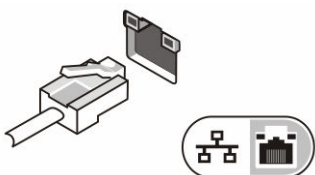
- ⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy đọc các thông tin an toàn đi kèm với máy tính của bạn. Để biết thêm thông tin thực hành tốt nhất, hãy xem Dell.com/regulatory_compliance.
- ⚠ **CẢNH BÁO:** Bộ chuyển đổi nguồn AC hoạt động với các loại ổ cắm điện khắp thế giới. Tuy nhiên, các đầu nối nguồn và dây nguồn sẽ khác nhau giữa các quốc gia. Sử dụng dây cáp không tương thích hoặc đầu nối cáp với ổ nối điện hoặc ổ cắm điện không đúng cách có thể gây cháy hoặc hư hỏng thiết bị.
- ⚠ **THẬN TRỌNG:** Khi bạn ngắt kết nối cáp của bộ chuyển đổi nguồn AC khỏi máy tính, hãy nắm đầu nối chứ đừng nắm dây cáp, và kéo dứt khoát nhưng nhẹ nhàng để tránh làm hỏng cáp. Khi quán dây cáp bộ chuyển đổi nguồn AC, hãy đảm bảo rằng bạn làm theo góc nghiêng của đầu nối trên bộ chuyển đổi nguồn AC để tránh làm hỏng cáp.
- ✍ **GHI CHÚ:** Một số thiết bị có thể không kèm trong đây nếu bạn không đặt hàng chúng.

1. Đầu nối bộ chuyển đổi nguồn AC vào cổng bộ chuyển đổi nguồn AC trên máy tính và vào ổ cắm điện.



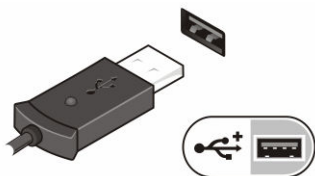
Hình 2. Bộ chuyển đổi nguồn AC

2. Kết nối cáp mạng (tùy chọn).



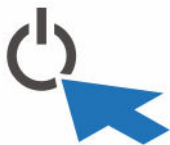
Hình 3. Đầu nối mạng

3. Kết nối các thiết bị USB, ví dụ như chuột hoặc bàn phím (tùy chọn).




Hình 4. Đầu nối USB

4. Để bật máy tính, hãy mở màn hình máy tính và bấm nút nguồn.



Hình 5. Nút nguồn

 **GHI CHÚ:** Chúng tôi đề nghị bạn bật và tắt máy tính của bạn ít nhất một lần trước khi lắp đặt bất cứ card nào hoặc kết nối máy tính với một thiết bị gắn để hoặc thiết bị bên ngoài khác, ví dụ như máy in.

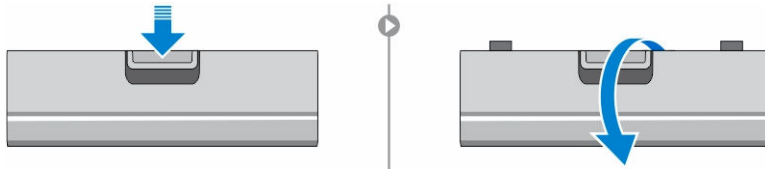
Tháo và lắp các thành phần

Phần này cung cấp thông tin chi tiết cách tháo và lắp đặt các thành phần từ máy tính của bạn.

Mở các cửa khoang ổ đĩa cứng

Có sáu cửa nhấn chốt. Vui lòng xem mục [Tổng quan Hệ thống](#) để xem vị trí các cửa trên khoang ổ đĩa.

1. Đẩy nút chốt xuống.
2. Kéo cửa mở ra và rời khỏi máy tính.



Đóng các cửa khoang ổ đĩa cứng

Làm theo các bước dưới đây để đóng các cửa nhấn chốt:

1. Xoay cửa trở lại về phía máy tính.
2. Nhấn vào cửa cho đến khi nó kêu click và gài chốt.

Tháo pin

⚠ CẢNH BÁO: Sử dụng pin không tương thích có thể làm tăng nguy cơ cháy nổ. Chỉ được thay pin bằng loại pin tương thích mua từ Dell. Pin được thiết kế để hoạt động với máy tính Dell của bạn. Không dùng pin từ bất cứ máy tính nào khác cho máy tính của bạn.

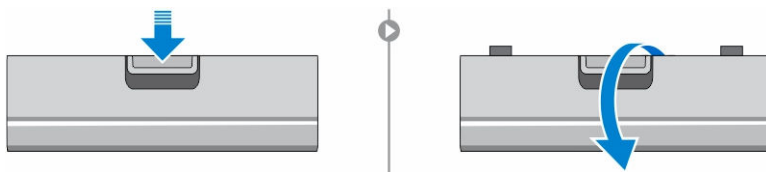
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi tháo hoặc thay thế pin:

1. Tắt máy tính.
2. Ngắt kết nối bộ chuyển đổi nguồn AC ra khỏi ổ cắm điện và máy tính.
3. Ngắt kết nối modem khỏi đầu cắm ổ điện và máy tính.
4. Tháo bất cứ dây cáp bên ngoài nào khác ra khỏi máy tính.

⚠ CẢNH BÁO: Không sử dụng ở những nơi nguy hiểm. Xem hướng dẫn lắp đặt.

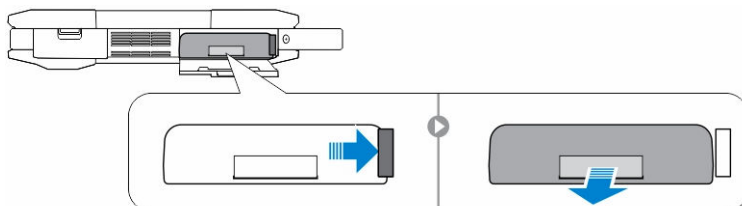
✍ GHI CHÚ: Pin nằm bên dưới các cửa chốt.

1. Đẩy nút chốt xuống.
2. Kéo mở cửa và đi từ các máy tính có thể ngăn chứa pin.



3. Để tháo pin:

- a. Đẩy và giữ nút nhả pin sang bên phải trong khi kéo mẫu giữ pin bằng nhựa ra.

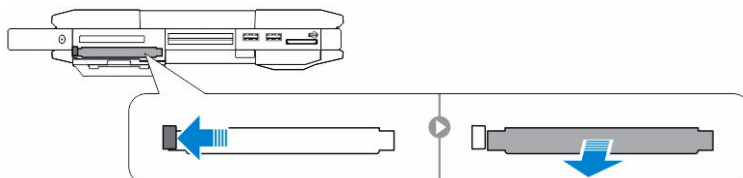


Lắp đặt pin

1. Trượt pin vào trong khe của nó cho đến khi khớp vào vị trí.
2. Nhấn nút khoét vào cửa cho đến khi nó kêu click và gài chốt.

Tháo ổ đĩa cứng

1. Đẩy nút chốt xuống.
2. Kéo cửa mở ra và rời khỏi máy tính để làm lộ ra khoang ổ đĩa cứng
3. Để tháo ổ đĩa cứng:
 - a. Đẩy và giữ nút nhả ổ đĩa cứng sang bên trái trong khi kéo mẫu giữ ổ đĩa cứng bằng nhựa ra.



Lắp đặt ổ đĩa cứng

1. Đẩy ổ đĩa cứng vào trong khoang của nó cho tới khi khớp vào chỗ.
2. Nhấn nút khoét vào cửa cho đến khi nó kêu click và gài chốt.

Thao tác trên máy tính

Mục này cung cấp thông tin về bàn phím có đèn nền, chế độ bí mật, các phím chức năng và chuyển đổi máy tính của bạn sang các chế độ máy tính xách tay và máy tính bảng (nếu có).

Sử dụng bàn phím có đèn nền

Dòng sản phẩm chống sốc Latitude được trang bị bàn phím có đèn nền có thể tùy chỉnh được. Các màu sau sẽ được kích hoạt:

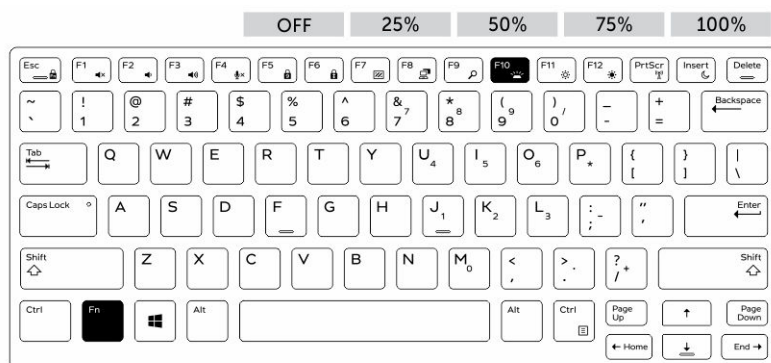
1. Trắng
2. Đỏ
3. Xanh lá
4. Xanh dương

Ngoài ra, hệ thống có thể được cấu hình với hai màu sắc tùy chỉnh bổ sung trong Thiết lập Hệ thống (BIOS).

Bật/tắt đèn nền bàn phím hoặc điều chỉnh độ sáng

Để bật/tắt đèn nền hoặc điều chỉnh cài đặt độ sáng đèn nền:

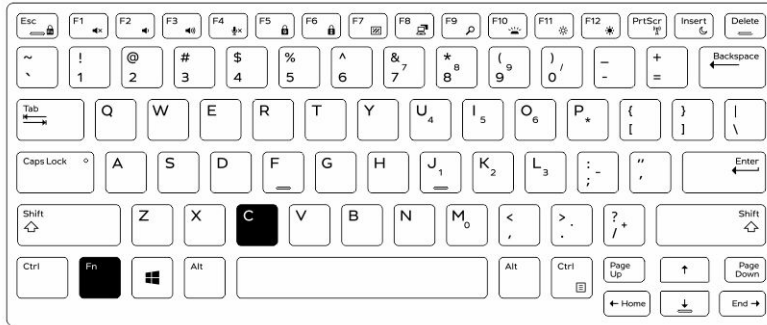
1. Để khởi chạy khóa chuyển đèn nền bàn phím, hãy nhấn Fn+F10 (không cần phím Fn nếu đã bật khóa phím chức năng Fn).
2. Lần sử dụng đầu tiên tổ hợp phím trên đây sẽ bật đèn nền ở cài đặt mức thấp nhất.
3. Nhấn lặp lại tổ hợp phím sẽ xoay vòng cài đặt độ sáng qua 25 phần trăm, 50 phần trăm, 75 phần trăm và 100 phần trăm.
4. Xoay vòng qua tổ hợp phím này để điều chỉnh độ sáng hoặc tắt đèn nền bàn phím.



Thay đổi màu đèn nền bàn phím

Để thay đổi màu đèn nền bàn phím:


1. Bấm các phím Fn+C lần lượt qua các màu đèn nền hiện có.
2. Trắng, Đỏ, Xanh lá và Xanh dương đang hoạt động theo mặc định; có thể thêm tối đa hai màu tùy chỉnh vào chu kỳ này trong System Setup (Thiết lập Hệ thống) (BIOS).

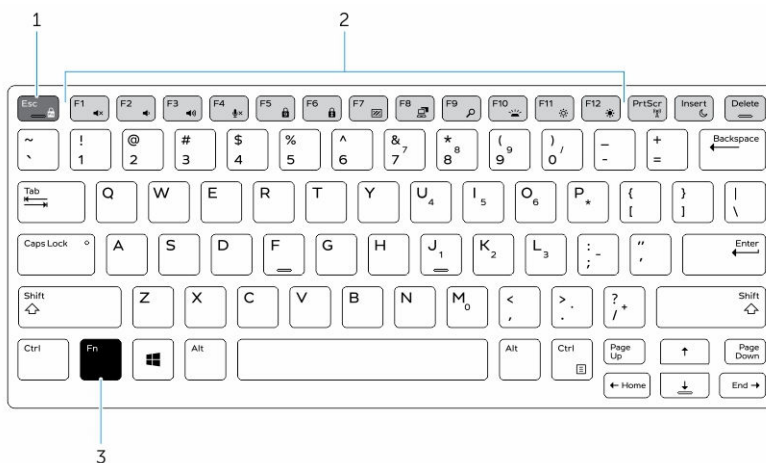


Tùy chỉnh bàn phím có đèn nền trong System Setup (Thiết lập Hệ thống) (BIOS)

1. Tắt máy tính.
2. Bật máy tính lên và khi màn hình logo Dell xuất hiện, hãy nhấn phím F2 nhiều lần để gọi ra menu System Setup (Thiết lập Hệ thống).
3. Dưới menu **System Configuration (Cấu hình Hệ thống)**, hãy chọn **RGB Keyboard Backlight (Đèn nền Bàn phím RGB)**.
Bạn có thể bật/tắt các màu tiêu chuẩn (Trắng, Đỏ, Xanh lá và Xanh dương).
4. Để cài một giá trị RGB tùy chỉnh, hãy dùng các ô nhập liệu ở bên phải màn hình.
5. Nhấp vào **Apply changes (Áp dụng thay đổi)** và nhấp **Exit (Thoát)** để đóng System Setup (Thiết lập Hệ thống) lại.

Tính năng khóa phím của Phím Chức năng

 **GHI CHÚ:** Bàn phím có chức năng khóa phím Chức năng Fn. Khi được kích hoạt, chức năng phụ trên hàng phím trên cùng sẽ trở thành mặc định và không phải sử dụng phím Fn.



Hình 6. Chú thích phím Fn

1. Phím khóa Fn
2. Các phím Fn bị ảnh hưởng
3. Phím Fn

GHI CHÚ: Khóa phím Fn sẽ chỉ ảnh hưởng đến các phím bên trên (F1 đến F12). Các chức năng phụ sẽ không cần phải nhấn phím Fn khi đang bật.

Bật khóa Chức năng (Fn)

1. Bấm các phím Fn+Esc.

GHI CHÚ: Các phím chức năng phụ khác ở hàng trên cùng không bị ảnh hưởng và đòi hỏi phải dùng phím Fn.

2. Bấm phím Fn+Esc một lần nữa để tắt tính năng khóa chức năng.
Các phím chức năng quay trở lại các hành động mặc định.

Chế độ Bí mật

Các sản phẩm chống sốc Latitude được trang bị tính năng chế độ bí mật. Chế độ bí mật cho phép bạn tắt màn hình hiển thị, tắt cả các đèn LED, loa gắn trong, quạt và tắt cả các sóng vô tuyến không dây bằng một tổ hợp phím đơn giản.

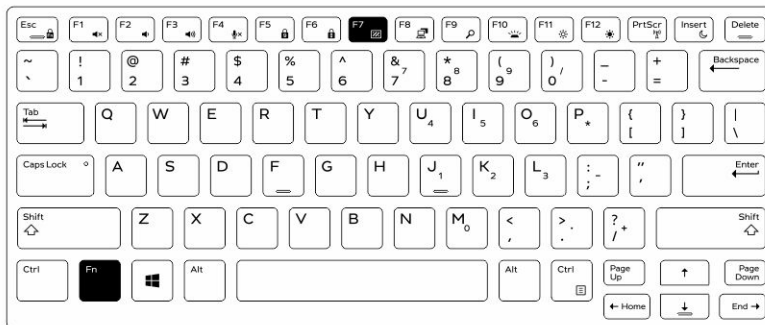
GHI CHÚ: Chế độ này nhằm mục đích sử dụng máy tính trong các hoạt động bí mật. Khi bật chế độ bí mật, máy tính vẫn còn hoạt động nhưng không phát ra bất cứ ánh sáng hoặc âm thanh nào.

Bật/tắt chế độ bí mật

1. Nhấn tổ hợp phím Fn+F7 (không cần phím Fn nếu đang bật khóa Fn) để bật chế độ bí mật.

GHI CHÚ: Chế độ bí mật là một chức năng phụ của phím F7. Phím này có thể dùng để thực hiện các chức năng khác trên máy tính khi không sử dụng với phím Fn để bật chế độ bí mật.


2. Tắt cả các đèn và âm thanh đều bị tắt.
3. Nhấn tổ hợp phím Fn+F7 một lần nữa để tắt chế độ bí mật.



Tắt chế độ bí mật trong thiết lập hệ thống (BIOS)

1. Tắt nguồn máy tính.
2. Bật nguồn máy tính lên và ở màn hình logo Dell, hãy nhấn phím F2 nhiều lần để gọi ra menu **System Setup (Thiết lập Hệ thống)**.
3. Mở rộng và mở menu **System Configuration (Cấu hình Hệ thống)**.

4. Chọn **Stealth Mode Control (Kiểm soát Chế độ Bí mật)**.

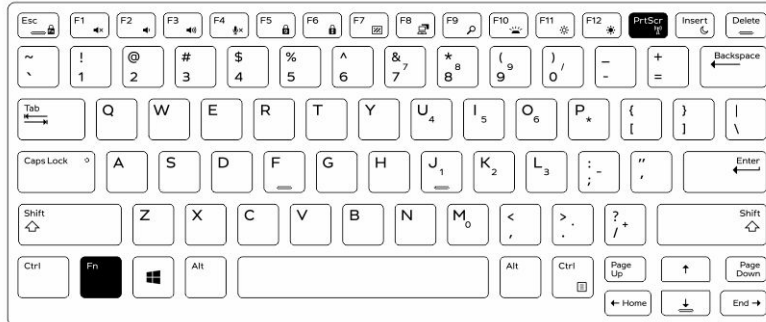
 **GHI CHÚ:** Chế độ bí mật được bật theo mặc định.

5. Để tắt chế độ bí mật hãy xóa tùy chọn **Enable Stealth Mode (Bật Chế độ Bí mật)**.

6. Nhấp **Apply changes (Áp dụng thay đổi)** rồi nhấp vào **Exit (Thoát)**.

Tắt và bật tính năng không dây (WiFi)

1. Để bật Kết nối mạng không dây, hãy bấm Fn+PrtScr.
2. Bấm Fn+PrtScr một lần nữa để tắt Kết nối mạng không dây.



Thẻ thông minh

Có hai loại thẻ chính là Thẻ thông minh hoặc Thẻ sử dụng thường xuyên (CAC):


1. Thẻ Thông minh đi kèm — Các thẻ này có vùng tiếp xúc gồm nhiều vạch kết nối mạ vàng. Khi lắp vào đầu đọc thẻ có thể đọc và ghi các thông tin từ chip.

Lắp thẻ vào khe cắm thẻ thông minh với các vạch tiếp xúc màu vàng hướng lên và hướng về khe cắm thẻ thông minh. Trượt thẻ vào trong khe cắm cho đến khi thẻ lọt vào hẳn trong đầu nối của nó.

2. Thẻ Thông minh không tiếp xúc — Các thẻ này không yêu cầu bất cứ tiếp xúc vật lý nào với đầu đọc. Con chip sẽ giao tiếp với đầu đọc thẻ thông qua công nghệ cảm ứng RFID.

Các thẻ này chỉ yêu cầu phải để gần một ăng-ten của đầu đọc thẻ nhằm hoàn tất giao tác.

Thông số kỹ thuật

 **GHI CHÚ:** Các đề xuất sản phẩm có thể thay đổi theo từng khu vực. Để biết thêm thông tin về cấu hình máy tính của bạn trong:

- Windows 10, hãy nhấp hoặc nhấn **Start**  → **Settings** → **System** → **About**.
- Windows 8.1 và Windows 8, từ thanh nút bên hông, hãy nhấp hoặc nhấn **Thiết đặt** → **Thay đổi Thiết đặt PC**. Trong cửa sổ **Thiết đặt PC**, hãy chọn **PC và thiết bị** → **Thông tin PC**.
- Windows 7, hãy nhấp **Start** , nhấp phải **My Computer**, và sau đó chọn **Properties**.

Thông số kỹ thuật thông tin hệ thống

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Bảng thông bus DRAM	64 bit
Flash EPROM	SPI 128 Mbits
Bus PCIe 3.0	8,0 GHz

Thông số kỹ thuật bộ xử lý

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	Dòng Intel Core i3/i5/i7
L3 cache	Tối đa 4 MB
Tần số bus ngoài	2133 MHz

Thông số kỹ thuật bộ nhớ

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Đầu nối bộ nhớ	Hai khe cắm SODIMM
Dung lượng bộ nhớ	4 GB, 8 GB và 16 GB
Loại bộ nhớ	SDRAM DDR4
Tốc độ	2133 MHz

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Bộ nhớ tối thiểu	4 GB
Bộ nhớ tối đa	32 GB

Thông số kỹ thuật pin

Tính năng	Thông số kỹ thuật
-----------	-------------------

Loại	lithium ion thông minh 6-cell hoặc 9-cell
------	---

Sâu	80 mm (3,14 inches)
-----	---------------------

Chiều cao	21 mm (0,82 inches)
-----------	---------------------

Rộng	166,9 mm (6,57 inches)
------	------------------------

Trọng lượng	<ul style="list-style-type: none"> 6-cell: 365,5 g (0,80 pound) 9-cell: 520 g (1,14 pound)
-------------	--

Điện áp	14,8 V DC
---------	-----------

Tuổi thọ tối đa	300 chu kỳ sạc/xả
-----------------	-------------------

Dải nhiệt độ

Hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Sạc pin: 0°C đến 60°C (32°F đến 140°F) Xả pin: 0°C đến 70°C (32°F đến 158°F)
-----------	---

Không hoạt động	-51°C đến 71°C (-60°F đến 160°F)
-----------------	----------------------------------



GHI CHÚ: Bộ pin có khả năng chịu được nhiệt độ bảo quản nêu trên một cách an toàn với điện tích 100%.



GHI CHÚ: Bộ pin cũng có khả năng chịu được nhiệt độ bảo quản từ -20°C đến +60°C mà không suy giảm hiệu suất hoạt động của pin.

Pin dạng đồng xu pin lithium dạng đồng xu 3 V CR2032

Thông số kỹ thuật âm thanh

Tính năng	Thông số kỹ thuật
-----------	-------------------

Loại	âm thanh chất lượng cao 4 kênh
------	--------------------------------

Bộ điều khiển	Bộ mã hóa Codec HDA - ALC3235
---------------	-------------------------------

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Chuyển đổi âm thanh stereo	24-bit (analog qua digital và digital qua analog)
Giao diện (bên trong)	Âm thanh HD
Giao diện (bên ngoài)	đầu nối micrô vào/tai nghe stereo/loa ngoài
Loa	một loa mono
Bộ khuếch đại loa bên trong	2 W (RMS)
Điều khiển âm lượng	Các nút tăng/giảm âm lượng

⚠ THẬN TRỌNG: Việc điều chỉnh kiểm soát âm lượng, cũng như bộ chỉnh âm trong hệ điều hành và/hoặc phần mềm bộ chỉnh âm, đến các cài đặt khác ngoài vị trí cân bằng có thể làm tăng công suất tai nghe và/hoặc bộ tai nghe gây hư tổn hoặc mất thính lực.

Thông số kỹ thuật video

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	tích hợp trên bo mạch hệ thống
Bộ điều khiển (UMA) — Intel core i3/i5/i7	Intel HD Graphics 520
Chuyên dụng	Card đồ họa chuyên dụng AMD Radeon R7 M360

Thông số kỹ thuật giao tiếp

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Bộ điều hợp mạng	Ethernet 10/100/1000 Mb/s (RJ-45)
Wireless (Không dây)	<ul style="list-style-type: none"> WLAN có hỗ trợ Bluetooth 4.1 WWAN

Thông số kỹ thuật cổng và đầu nối

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Âm thanh	một đầu nối micrô/tai nghe stereo/loa
Video	<ul style="list-style-type: none"> một cổng HDMI 19 chân

Tính năng	Thông số kỹ thuật
	<ul style="list-style-type: none"> một cổng VGA 15 chân
Bộ điều hợp mạng	hai đầu nối RJ45
Cổng serial	hai cổng serial chân DB9
Cổng gắn đế	một
Cổng USB	<ul style="list-style-type: none"> một cổng tương thích USB 2.0 4 chân một cổng tương thích USB 3.0 9 chân có tính năng PowerShare hai cổng tương thích USB 3.0 9 chân
Khe cắm thẻ SIM	một khe cắm micro-SIM với tính năng bảo mật

Thông số kỹ thuật màn hình

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	Màn hình WLED
Kích cỡ	14,0 inch
Chiều cao	190,00 mm (7,48 inches)
Rộng	323,5 mm (12,59 inches)
Đường chéo	375,2 mm (14,77 inches)
Vùng hoạt động (X/Y)	309,4 mm x 173,95 mm
Độ phân giải tối đa	1366 x 768 pixel
Tốc độ làm mới	60 Hz
Góc hoạt động	0° (khi đóng) đến 180°
Góc nhìn tối đa (ngang)	tối thiểu +/- 70° cho HD
Góc nhìn tối đa (dọc)	tối thiểu +/- 70° cho HD
Độ lớn điểm ảnh	0,1875 mm

Thông số kỹ thuật bàn di chuột

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Vùng hoạt động:	
Trục X	99,50 mm

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Trục Y	53,00 mm

Thông số kỹ thuật bàn phím

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Số phím	<ul style="list-style-type: none"> • 83 phím: tiếng Anh của người Mỹ, tiếng Thái, tiếng Pháp-Canada, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nga, tiếng Do Thái, tiếng Anh Quốc tế • 84 phím: tiếng Anh của người Anh, tiếng Pháp của người Canada ở Quebec, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha (Mỹ La-tinh), tiếng NaUy, tiếng Ả Rập, song ngữ Canada • 85 phím: tiếng Bồ Đào Nha của người Brazil • 87 phím: tiếng Nhật
Bố trí	QWERTY/AZERTY/Kanji

Thông số kỹ thuật bộ chuyển đổi nguồn

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	65 W và 90 W
Điện áp đầu vào	100–240 V AC
Dòng đầu vào (tối đa)	<ul style="list-style-type: none"> • 65 W — 1,7 A • 90 W — 1,5 A
Tần số đầu vào	50–60 Hz
Dòng đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> • 65 W — 3,34 A • 90 W — 4,62 A
Điện áp đầu ra định mức	19,5 V DC
Phạm vi nhiệt độ (hoạt động)	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Phạm vi nhiệt độ (không hoạt động)	-40°C đến 70°C (-40°F đến 158°F)

Thông số kỹ thuật kích thước vật lý

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Chiều cao	44,4 mm (1,75 inch)

Tính năng	Thông số kỹ thuật
------------------	--------------------------


Rộng	243 mm (9,56 inches)
Chiều dài	347 mm (13,66 inches)
Trọng lượng (cấu hình tối thiểu)	6,55 pound (2,95 kg)

Thông số kỹ thuật môi trường

Tính năng	Thông số kỹ thuật
------------------	--------------------------

Nhiệt độ — hoạt động	-29°C đến 60°C (-20°F đến 140°F)
Nhiệt độ — bảo quản	-51°C đến 71°C (-60°F đến 160°F)
Độ ẩm tương đối (tối đa) — hoạt động	10% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ ẩm tương đối (tối đa) — bảo quản	0% đến 95% (không ngưng tụ)
Độ cao (tối đa) — hoạt động	-15,24 m đến 4.572 m (-50 foot đến 15.000 foot)
Độ cao (tối đa) — không hoạt động	-15,24 m đến 9.144 m (-50 foot đến 30.000 foot)
Mức độ chất gây ô nhiễm không khí	G1 được định nghĩa bởi ISA-71.04-1985

Liên hệ Dell

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn không có kết nối internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu gói hàng, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm của Dell.

Dell cung cấp một số tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ trực tuyến và qua điện thoại. Dịch vụ có sẵn khác nhau tùy theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có sẵn trong khu vực của bạn. Để liên hệ với Dell để bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật, hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập vào **Dell.com/support**.
2. Chọn thể loại hỗ trợ của bạn.
3. Xác nhận quốc gia và khu vực của bạn trong danh sách thả xuống **Chọn một quốc gia và khu vực** ở cuối trang.
4. Chọn đường dẫn hỗ trợ hoặc dịch vụ thích hợp dựa trên nhu cầu của bạn.